TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **187**/2026/QĐST-DS	*Đồng Tháp, ngày 04 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 129, 500, 501 và Điều 502 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 4, 5, 26, 31, 37, 134, 135 và Điều 236 của Luật Đất đai năm 2024;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý sơ thẩm số 150/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026, V *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền dụng đất"*

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Dương Văn P**, sinh năm 1975. CCCD số: 082075018154 cấp ngày 07/02/2022.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông P: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền công chứng số 1522/2026/CCGD ngày 09/5/2026 tại Văn phòng C).

- *Bị đơn:*

1. Bà **Đào Thị T**, sinh năm 1966. CCCD số: 082166006593 cấp ngày 08/9/2022.

2. Chị **Lê Kim T1**, sinh năm 1987. CCCD số: 082187006796 cấp ngày 10/5/2021.

3. Chị **Lê Kim T2**, sinh năm 1992. CCCD số: 082192016078 cấp ngày 30/8/2021.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà T, chị T1, chị T2: Chị **Lê Thị Hồng T3**, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền công chứng số 3271/2026/CCGD ngày 05/5/2026 tại Văn phòng C1).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1976. CCCD số 082176006416 cấp ngày 07/02/2022.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền công chứng số 1523/2026/CCGD ngày 09/5/2026 tại Văn phòng C).

2. Ông **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1969. CCCD số: 082069007740 cấp ngày 08/9/2022.

3. Bà **Nguyễn Thị T4**, sinh năm 1968. CCCD số: 082168018884 cấp ngày 08/9/2022.

4. Chị **Bùi Thị Thanh T5**, sinh năm 1986. CCCD số: 082186003436 cấp ngày 08/9/2025.

5. Chị **Bùi Thị Thanh T6**, sinh năm 1991. CCCD số: 082191009152 cấp ngày 15/7/2022.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà T4, chị T5, chị T6: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền công chứng số 1526/2026/CCGD ngày 09/5/2026 tại Văn phòng C).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 30/4/2026 giữa ông Dương Văn P và hộ ông Lê Văn K gồm ông Lê Văn K, bà Đào Thị T, chị Lê Kim T1 và chị Lê Kim T2.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 17/3/2013 giữa ông Dương Văn P và ông Bùi Văn Đ.

- Thống nhất quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 17, diện tích 451,7m^2, tọa lạc tại Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 04205 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ1, tỉnh Đồng Tháp) cấp cho bà Đào Thị T ngày 29/8/2023 thuộc quyền sử dụng chung của bà Đào Thị T và ông Bùi Văn Đ, trong đó:

+ Phần sử dụng của bà Đào Thị T là 261,2m^2 (trong đó có 150m^2 đất ở nông thôn và 111,2m^2 đất trồng cây lâu năm) tương ứng là phần số ① tại Bản sơ đồ đo đạc tranh chấp thửa đất.

+ Phần sử dụng của ông Bùi Văn Đ là 190,5m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn và 140,5m^2 đất trồng cây lâu năm) tương ứng với phần số ② tại Bản sơ đồ đo đạc tranh chấp thửa đất.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Bà Đào Thị T và ông Bùi Văn Đ được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để tiến hành các thủ tục điều chỉnh, đăng ký biến động đối với thửa đất theo nội dung thỏa thuận như trên.

- Ghi nhận Ông Bùi Văn Đ tự nguyện hỗ trợ cho bà Đào Thị T số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* là chi phí san lấp cát ban đầu.

3. Về án phí: Ông Dương Thanh P1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí ông P1 đã nộp theo biên lai thu số 0004295 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, xem như đã hoàn thành xong án phí.

H1 lại số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0007588 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp cho ông Đ, bà T4, chị T5 và chị T6.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4-Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu